

PHẦN B. NGỮ ÂM NÂNG CAO

BƯỚC 3: LÀM CHỦ TRỌNG ÂM TỪ

Chúng ta đã đi qua Hệ thống âm trong tiếng Anh theo cách tiếp cận mới cũng như học cách nhận diện âm của từng chữ cái tiếng Anh trong Phần A. Với phần tiếp theo chúng ta sẽ tìm hiểu về Ngữ âm nâng cao để tự tin nhận diện trọng âm và phát âm chuẩn ở cấp độ từ. Bên cạnh đó, các chủ đề về âm cuối, trọng âm và ngữ điệu câu sẽ lần lượt được làm sáng tỏ, từng bước giúp người học làm chủ kiến thức ngữ âm tiếng Anh của mình.

Về ngữ pháp, nếu nói động từ là trái tim của câu thì về ngữ âm, trọng âm được xem là trái tim của cả câu lẫn từ. Trong chương này chúng ta sẽ khám phá các quy luật về trọng âm ở cấp độ từ.

Như các bạn đã biết, cách đọc của một từ bị chi phối rất nhiều bởi trọng âm, nếu tìm sai trọng âm chúng ta sẽ không thể tìm được cách đọc chính xác. Với người bản ngữ, việc nói sai trọng âm được coi như một dạng nói *ngọng*, và đây là nguyên nhân thứ 4 trong số những nguyên nhân ngăn cản người học giao tiếp tiếng Anh hiệu quả - nói *giọng địa phương*. Hãy nhìn lại ví dụ ở phần mở đầu để thấy rõ hơn nhé:

Don't desert him in the desert

Hay

Don't deSERt him in the DEsert

Nếu người học chưa nắm được về trọng âm từ, chắc hẳn khi nói ra câu này sẽ làm cho người bản ngữ cảm thấy khó hiểu. Ngay trong từ đã làm cho người nghe khó hiểu rồi thì nói cả câu ra còn làm cho người nghe bối rối tới mức nào? Với chương III này chúng ta sẽ cùng làm rõ về vấn đề trọng âm từ để các bạn có thể tự tin viết phiên âm tới 80% số từ trong tiếng Anh, và từ đó phát âm tự tin để tạo nền tảng cho việc giao tiếp hiệu quả sau này.

Bạn hãy đọc thử những từ sau:

Education

Unforgettable

Forget

Boyfriend

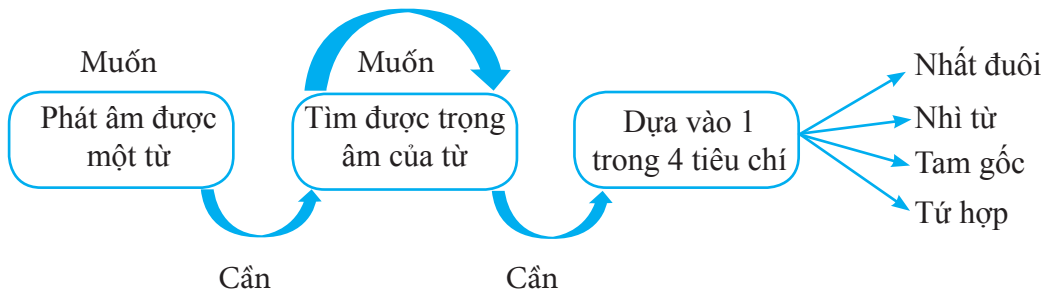
Đối với từ *Education*, bạn sẽ phát âm là *Education*, *eDUcation*, *eduCAtion* hay *educaTION*? 4 cách đọc trên được gọi là phát âm có trọng âm, và đó cũng là một phần quan trọng trong việc bạn có giao tiếp tiếng Anh hiệu quả hay không. Có thể bạn vẫn phân vân chưa tìm ra cách chính xác nhất giữa những cách đọc này, vậy hãy cùng chúng tôi tìm hiểu cách xác định trọng âm với chuỗi bài học về quy tắc trọng âm trong tiếng Anh.

1. Trọng âm của từ là gì?

Trước khi trả lời trọng âm là gì, chúng ta cần làm rõ âm tiết là gì. Theo từ điển Oxford, âm tiết là: “*một đơn vị phát âm ít nhất phải có một nguyên âm, có thể có hoặc không có các phụ âm xung quanh nguyên âm đó, tạo nên một phần hoặc một từ hoàn chỉnh.*” Khi từ trong tiếng Anh có hơn 1 âm tiết sẽ xuất hiện **trọng âm**. **Trọng âm** của từ chính là *âm tiết cụ thể được nhấn mạnh và được thể hiện ở ba đặc điểm: rõ ràng hơn, cao hơn và dài hơn.* Trong từ *Education*, vì trọng âm rơi vào âm tiết *-ca-*, nên đáp án *eduCAtion* là chính xác.

Chúng ta sẽ làm rõ hơn về cách để phát âm trọng âm trong phần sau của bài học.

2. Làm thế nào để tìm ra trọng âm?



Sau quá trình nghiên cứu 5000 từ tiếng Anh phổ biến, nhóm tác giả đã phát hiện ra được các yếu tố giúp xác định trọng âm của từ và đúc kết thành bốn tiêu chí chính như sau: *Nhất đuôi – Nhì từ – Tam góc – Tứ hợp*. Kết quả này được tóm tắt bằng sơ đồ trên. Vậy câu hỏi đặt ra là, bốn tiêu chí này có nghĩa là gì?

Nhất đuôi:

- Trong nghiên cứu này, chúng tôi dùng từ đuôi với hàm ý 5 chữ cái cuối một từ. Vì quan sát trên tổng thể thì các ký tự giúp xác định vị trí trọng âm chỉ nằm trong giới hạn của 5 chữ cái cuối mà thôi. Ví dụ với từ *Economy* thì dấu hiệu xác định trọng âm là chữ *-y* ở cuối. Như vậy chữ *-y* cuối cùng là dấu hiệu, không cần cả 5 chữ cái. Tuy nhiên đối

với từ *Continental* thì nếu dựa vào 5 chữ cái cuối -ental thì vừa dễ nhớ (đuôi -ental dễ nhớ hơn -ntal) và vừa đầy đủ cho tất cả các trường hợp đuôi khác.

- Đuôi được chia làm 3 nhóm dựa trên vị trí trọng âm mà nó giúp định vị. Ví dụ, nhóm 1 bao gồm các đuôi mà dựa vào đó ta biết được trọng âm rơi vào chính đuôi; các đuôi nhóm 2 thường cho ta biết trọng âm rơi vào trước đuôi 1 âm tiết; và nhóm 3 cho ta những từ có trọng âm rơi vào trước đuôi 2 âm tiết.

Đuôi cũng là tiêu chí đứng đầu tiên trong số 4 tiêu chí vì độ chính xác cũng như độ phổ biến của nó. Với độ chính xác tới gần 100%, bạn hoàn toàn có thể yên tâm về trọng âm khi xác định được đúng đuôi trong từ.

economy

noun UK  /i'kɒn.ə.mi/ US  /i'ka:.nə.mi/



economy *noun* (SYSTEM)

B2 [C] the system of trade and industry by which the wealth of a country is made and used: ★

(Trích Cambridge Dictionary)

Nhì từ:

- Tiêu chí này có thể tóm tắt trong một câu: “*Động từ và giới từ* là những từ loại duy nhất trọng âm thường rơi vào âm tiết thứ hai, các từ loại còn lại rơi vào âm tiết thứ nhất.” Từ loại là một trong những yếu tố cơ bản để phân biệt chức năng ngữ pháp của từ vựng trong tiếng Anh, và thường là một trong những kiến thức mà người học được tiếp cận đầu tiên. Với quy tắc này, bạn đã nắm được trọng âm của một số lượng khá lớn từ trong tiếng Anh rồi.

Ví dụ với từ *Forget*, đây là một động từ nên trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai: *forGET*. Hoặc với từ *about* là một giới từ, khi đọc lên sẽ là *aBOUT* chứ không phải là *About*. Trong khi đó từ *Interesting* là một tính từ thì lại có trọng âm rơi vào âm tiết thứ nhất. Khi nắm vững được tiêu chí này bạn sẽ tự tin xác định được trọng âm và bắt đầu viết được phiên âm cũng như phát âm được một khối lượng từ khổng lồ!

forget

verb UK  /fə'get/ US  /fə'get/ PRESENT PARTICIPLE



forgetting, PAST TENSE **forgot**, PAST PARTICIPLE **forgotten**



forget *verb* (NOT REMEMBER)

B1 [I or T] to be unable to remember a fact, something that happened, or how to do something: ★

about

preposition UK  /ə'baʊt/ US  /ə'baʊt/



about preposition (CONNECTED WITH)

A1 on the subject of, or connected with:

What's that book about?





(Trích Cambridge Dictionary)

Tam gốc:

Đối với tiêu chí này, đầu tiên bạn cần hiểu *từ gốc* và phụ tố nghĩa là gì. Phụ tố trong tiếng Anh là những thành phần được thêm vào trước hoặc sau một từ để bổ sung nghĩa, ví dụ như *-ful* trong từ *Forgetful* sẽ biến động từ *quên* thành tính từ *hay quên*; còn từ gốc chính là những từ không chứa phụ tố, như trong ví dụ trên thì *Forget* chính là một từ gốc. Trong từ *Forgetful*, trọng âm vẫn nằm ở âm tiết *get* tương tự trong từ gốc *Forget*, vậy là chúng ta có tiêu chí thứ ba để xác định trọng âm: đa số phụ tố không gây ảnh hưởng lên trọng âm của từ. Hoặc như trong từ *Undeniable* có *un-* và *-able* được thêm vào nhưng cũng không ảnh hưởng đến trọng âm của từ gốc *Deny* vốn là một động từ có trọng âm rơi vào âm tiết *-ny*.

Các bạn chỉ cần nắm được một số phụ tố thường gặp cùng với hai tiêu chí đầu tiên là đã nắm được trọng âm của vài ngàn từ phổ biến trong tiếng Anh rồi.

forgetful

adjective UK  /fə'get.fəl/ US  /fə'get.fəl/





> often forgetting things:

She's getting very forgetful in her old age.



undeniable

adjective UK  /,ʌn.dɪ'naɪ.ə.bəl/ US 

/,ʌn.dɪ'naɪ.ə.bəl/



G1 certainly true:

an undeniable fact



(Trích Cambridge Dictionary)

Tứ hợp:

- ‘*Hợp*’ là kết hợp, tiêu chí này sẽ giúp các bạn tìm ra được trọng âm cho từ ghép trong tiếng Anh. Xác định trọng âm của từ ghép sai cũng rất dễ gây ra hiểu nhầm. Cùng quay lại với ví dụ *Boyfriend* ở đầu bài, bạn sẽ thấy đây là một danh từ ghép. Tứ hợp cho chúng ta biết trọng âm của một danh từ ghép thường rơi vào âm tiết đầu tiên, vậy *BOY* sẽ là âm tiết được nhấn trọng âm trong từ *Boyfriend*. Hay với từ *White House* vốn là Nhà Trắng – nơi ở của Tổng thống Mỹ, cũng rất dễ bị nhầm với ngôi nhà màu trắng *White house* nếu bạn phát âm sai trọng âm. Nhà Trắng sẽ có trọng âm rơi vào từ *WHITE* còn với ngôi nhà màu trắng thì trọng âm sẽ rơi vào cả 2 từ.

Với những quy tắc tương tự cho cụm động từ và tính từ ghép, tiêu chí Tứ hợp sẽ là mảnh ghép cuối cùng giúp bạn làm chủ được trọng âm trong tiếng Anh.



boyfriend

noun [C] UK  /'bɔɪ.frend/ US  /'bɔɪ.frend/




A2 a man or boy that a person is having a romantic or sexual relationship with: 

the White House

noun [S] UK  /'waɪt ,haʊs/ US  /'waɪt ,haʊs/

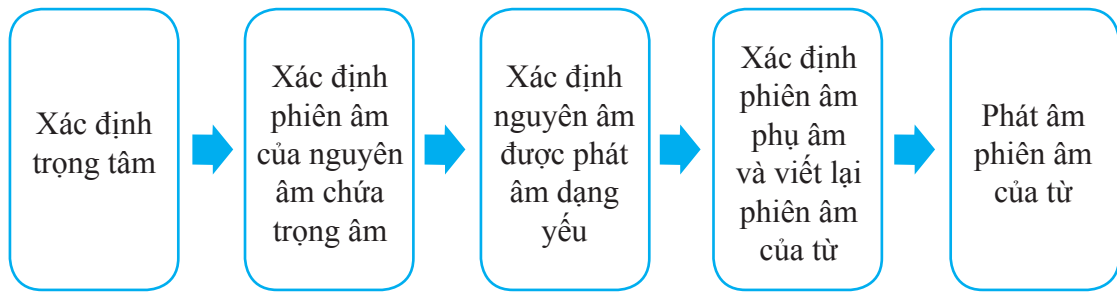


> the official Washington home of the US president: 
We visited the White House.

(Trích Cambridge Dictionary)

3. Có trọng âm rồi thì đọc từ đó như thế nào?

Quay lại với câu hỏi: làm thế nào để tìm được cách đọc chính xác của từ tiếng Anh? Đến thời điểm này các bạn hẳn đã tìm ra được 3/4 câu trả lời: Tìm trọng âm cho từ và sử dụng trọng âm để nhận diện các chữ cái cấu tạo nên từ. Vậy nhưng trình tự tìm kiếm cách phát âm sẽ như thế nào? Các bạn hãy cùng đến với quy trình tìm cách phát âm từ tiếng Anh của do nhóm tác giả gợi ý.



Sau khi xác định được trọng âm của từ, chúng ta sẽ sử dụng những quy tắc nhận diện chữ cái đã học ở đầu sách để viết phiên âm của từ và sử dụng phiên âm đó để phát âm. Chúng ta cùng luyện tập với những ví dụ sau!

Bạn hãy tìm phiên âm của từ *Action* theo hướng dẫn:

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	' <i>Germany</i>	Nhất đuôi – đuôi -y làm trọng âm rơi vào trước đuôi 2 âm tiết → E
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	<i>Germany</i> / _ ɜ : ____ /	Trọng âm rơi vào E E không nằm trong cấu trúc E kỳ diệu E đứng trước R, → E phát âm là /ɜ:/
3	Xác định phiên âm của âm tiết không chứa trọng âm	<i>Germany</i> / __ ɜ : _ ə _ i /	A thuộc âm tiết cạnh trọng âm nên được phát âm là âm yếu nhất - /ə/ Y không chứa trọng âm nên đọc là âm yếu - /i/
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	<i>Germany</i> / dʒɜ : m ə n i /	G đứng trước E/I/Y → G phát âm /dʒ/ M là phụ âm không biến đổi → /m/ N không đứng trước /k/ và /g/ nên được phát âm là /n/
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	<i>Germany</i> / ' dʒɜ : m ə n i /	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.

Trên đây là trình tự quy trình tìm phiên âm từ tiếng Anh do nhóm tác giả đưa ra. Tiếp theo bạn hãy luyện tập với những từ sau:

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	<i>For'get</i>	Tiêu chí _____ - <i>Forget</i> là một động từ → trọng âm rơi vào âm tiết thứ ____
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	<i>Forget</i> /_____/	Trọng âm rơi vào E E không đứng trước R E không nằm trong cấu trúc E kỳ diệu → E phát âm /___/
3	Xác định phiên âm của âm tiết không chứa trọng âm	<i>Forget</i> /_____/	O thuộc âm tiết cạnh trọng âm nên được phát âm là âm yếu nhất - /___/
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	<i>Forget</i> /_____/	G đứng trước E nhưng là một ngoại lệ → G phát âm /___/ T không đứng trước IA/IE/IO/U nên được phát âm là /_____/ F là một phụ âm không biến đổi → phát âm là /___/
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	<i>Forget</i> /_____/	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	<i>Remember</i>	Tiêu chí _____ - <i>Remember</i> là một _____ từ → trọng âm rơi vào âm tiết thứ ____
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	<i>Remember</i> /_____/	Trọng âm rơi vào __, vì _____ _____ → __ phát âm /___/
3	Xác định phiên âm của âm tiết không chứa trọng âm	<i>Remember</i> /_____/	_____ - /___/
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	<i>Remember</i> /_____/	_____ → __ phát âm /___/ _____ → __ phát âm /___/ _____ → __ phát âm /___/
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	<i>Remember</i> /_____/	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	<i>Economy</i>	Tiêu chí Nhất đuôi – Trọng âm rơi vào trước đuôi -y hai âm tiết →
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	<i>Economy</i> / _____ /	
3	Xác định phiên âm của âm tiết không chứa trọng âm	<i>Economy</i> / _____ /	
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	<i>Economy</i> / _____ /	
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	<i>Economy</i> / _____ /	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	<i>Consider</i>	Tiêu chí Nhi từ – Trọng âm rơi vào âm tiết thứ hai →
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	<i>Consider</i> / _____ /	
3	Xác định phiên âm của âm tiết không chứa trọng âm	<i>Consider</i> / _____ /	
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	<i>Consider</i> / _____ /	
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	<i>Consider</i> / _____ /	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.



1. Dấu huyền kỳ diệu

Sau phần bài luyện tập vừa rồi bạn đã cơ bản nắm được cách để tìm được trọng âm từ, nhưng làm thế nào để có thể nhấn mạnh những từ mang trọng âm đó? Bạn có thể sử dụng dấu sắc để làm nổi bật trọng âm, nhưng cách như chúng tôi đã mô tả từ đầu sách, nó làm mất đi sự tự nhiên trong sáng của tiếng Anh. Thí dụ như trong từ *Giant* có thể được phát âm là *Giái ản* để dễ làm nổi bật hơn, nhưng có thể sẽ gây khó hiểu cho người nghe. Vậy thay vì dùng dấu sắc để nhấn mạnh trọng âm, chúng ta có thể sử dụng *thanh không* cho trọng âm và *dấu huyền* cho âm còn lại. Như vậy dấu huyền sẽ giúp người nói và người nghe nhận diện được trọng âm, qua đó nhận diện được từ và nghĩa của nó. Với phát hiện này, quy tắc *dấu huyền* được sử dụng cho tất cả các từ có hai âm tiết trở lên, một con số khổng lồ phải không bạn? Với ý nghĩa như vậy, tác giả gọi là *dấu huyền* của tiếng Việt là *dấu huyền kỳ diệu* trong việc “trị” cái “vênh” của tiếng Anh. Hãy cùng thử đọc lại ví dụ trên: *Giant* bằng cách sử dụng dấu huyền sẽ biến từ *Giant* được phát âm là /'dʒaɪ.ənt/ *Giái ản*, bớt gây khó hiểu hơn và cũng dễ dàng hơn cho người nói.

2. Âm ờ kỳ diệu

Ngoài 5 âm khó đã được luyện tập trong những bài học trước, trong tiếng Anh còn một âm rất đặc biệt, đó là âm ờ. Âm ờ có cách đọc tương đối giống với âm ở trong tiếng Việt nên rất dễ để người học làm quen và nắm vững. Nhưng đây chưa phải là điều làm cho âm ờ trở nên đặc biệt. Theo một nghiên cứu của nhóm tác giả, âm ờ là âm xuất hiện phổ biến nhất trong các từ có nhiều hơn hai âm tiết. Thật vậy, với 100 từ hai âm tiết trong tiếng Anh thì có đến 98 từ có chứa âm ờ, hai từ còn lại chứa âm ỉ. Từ nghiên cứu này nhóm tác giả đã đúc kết được một quy tắc xuyên suốt trong tiếng Anh:

“ờ (ờ) là âm yếu nhất, ỉ (i) chỉ khỏe hơn ờ”

Nắm được quy tắc này, các bạn đã có thể tự tin phát âm tới 90% số từ có nhiều hơn 2 âm tiết trong tiếng Anh rồi. Thật vậy, với quy tắc về dấu huyền kỳ diệu và âm ờ kỳ diệu, bạn chỉ cần kết hợp với những quy tắc nhận diện trọng âm sẽ được đề cập trong loạt bài tiếp theo là bạn đã nắm được hầu hết cách đọc từ vựng tiếng Anh trong tay rồi. Luyện tập dấu huyền kỳ diệu và âm ờ kỳ diệu với bài đọc sau:

A first time for everybody (p.1)

Joe stepped onto the airplane and was met by one of the cabin crew who showed him to his seat. This was his first flight and he was feeling quite nervous. His hands were trembling slightly and he was breathing deeply. He walked along the aisle of the plane and found his seat. Joe had spent a lot of time on planning his holiday, given this was the first time he had been abroad. Sitting next to him was an 8 year-old-boy who also appeared to be quite nervous. Joe knew he was quite good with children, so he decided to try to calm the boy. After talking with the boy for a few minutes, Joe produced some chocolate and gave it to him. The boy then became quite cheerful as he explained that he loved chocolate so much.

(FCE Use of English)

Chúng ta bắt đầu bài học về tiêu chí đầu tiên - Nhất đuôi. Nhóm tác giả đã sắp xếp các đuôi có ảnh hưởng lên trọng âm thành các nhóm có tính chất tương tự nhau để bạn dễ dàng nắm quy tắc hơn. Với bài đầu tiên, chúng ta sẽ bắt đầu với những đuôi thuộc nhóm 1.

Khi xuất hiện đuôi

-ee, -eer, -ette
-ese, -esque, -aire
-ental, -ival, -ique
-ontal, -oo



thì trọng âm sẽ rơi vào
chính đuôi đó

Những đuôi thuộc nhóm 1 có chung đặc điểm sau: làm cho trọng âm của từ rơi vào âm tiết ngay trước đuôi. Khi bạn thấy những đuôi này xuất hiện trong 5 ký tự cuối một từ, trọng âm của từ đó sẽ rơi vào chính đuôi đó.

Ví dụ: Từ *Engineer* có xuất hiện đuôi -eer ở cuối từ, vậy bạn có thể chắc chắn rằng từ sẽ được phát âm là *enginEER* mà không sợ sai sót. Tương tự như vậy, từ *Environmental* có vẻ khá khó nhìn cũng xuất hiện đuôi -ental chứa trọng âm.

Chúng ta sẽ cùng đến với bài tập cho những đuôi thuộc nhóm đuôi nhóm 1 trong phần tiếp theo của bài học.

-ee, -eer, -ette, -ese, -esque**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải**

1. Vietnamese	A. o o O	B. O o o	C. o O o
2. Engineer	A. O o o	B. o o O	C. o O o
3. Referee	A. o O o	B. O o o	C. o o O
4. Picturesque	A. o o O	B. O o o	C. o O o
5. Cigarette	A. O o o	B. o o O	C. o O o

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

- Degree mức độ
- Guarantee đảm bảo
- Referee trọng tài
- Nominee người được đề cử
- Career sự nghiệp
- Engineer kỹ sư
- Volunteer tình nguyện
- Pioneer tiên phong

- Sightseer người đi tham quan
- Puppeteer người điều khiển rối
- Cassette casset
- Cigarette điếu thuốc lá
- Japanese Người Nhật bản
- Vietnamese Người Việt Nam
- Chinese Người Trung Quốc
- Picturesque sinh động

3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

cass engin refer pictur degr puppet

- The 1st prize is a video _____ette.
- This is a photo of the _____esque narrow streets of the old city.
- The _____eer is coming to repair our phone tomorrow morning.
- Water _____eers are trying hard to pass the tradition on to the next generations.

-aire, -ental, -ival, -ique, -ontal, -oo**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải**

1. Millionaire	A. O o o	B. o o O	C. o O o
2. Unique	A. O o	B. o O	
3. Balloon	A. O o	B. o O	
4. Rental	A. O o	B. o O	
5. Kangaroo	A. O o o	B. o o O	C. o O o

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

1. Millionaire nhà triệu phú
2. Questionnaire bản câu hỏi
3. Accidental ngẫu nhiên
4. Arrival sự tới nơi
5. Continental (thuộc) đại lục
6. Mental (thuộc) tinh thần
7. Oriental ở phương Đông
8. Parental (thuộc) cha mẹ
9. Rental tiền cho thuê (nhà, đất);
10. Survival sự sống sót

1. Balloon quả bóng
2. Cartoon tranh biếm hoạ
3. Bamboo cây tre
5. Kangaroo con canguru
5. Shampoo dầu gội
6. Tattoo hình xăm
7. Technique kỹ thuật
8. Unique duy nhất
9. Dental nha khoa
10. Horizontal nằm ngang

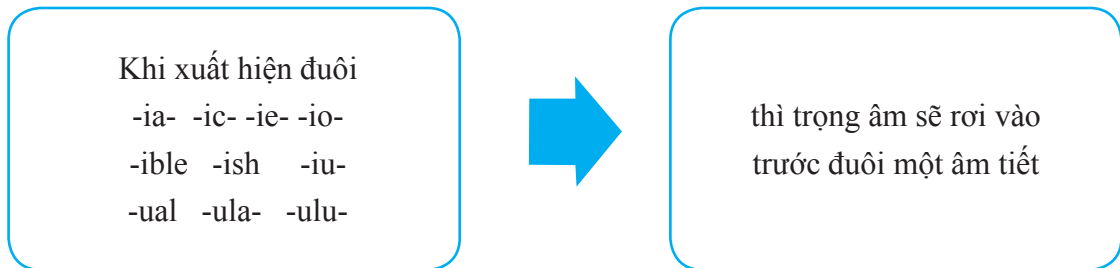
3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

million techn refer horiz degr bamb

1. We developed a new _____ **ique** for detecting errors in the manufacturing process.
2. You want me to buy you a car - do you think I'm a _____ **aire** or something?
3. Draw a _____ **ontal** line across the bottom of the page.
4. Use _____ **oo** canes to support tomato plants.



Tiếp tục bài học về tiêu chí đầu tiên – Nhất đuôi, chúng ta đến với nhóm đuôi thứ hai trong tiếng Anh. Những đuôi thuộc nhóm này đã được nhóm tác giả sắp xếp thành hai nhóm nhỏ hơn: nhóm phổ biến và nhóm ít phổ biến để bạn dễ dàng nắm quy tắc và luyện tập hơn. Tính phổ biến của đuôi được nhóm tác giả tính toán như sau: những đuôi có tần suất xuất hiện lớn hơn 100 lần trong 5000 từ tiếng Anh phổ biến được coi là phổ biến.



Những đuôi kể trên có chung đặc điểm sau: làm cho trọng âm của từ rơi vào trước đuôi một âm tiết. Khi bạn thấy những đuôi này xuất hiện trong 5 ký tự cuối một từ tiếng Anh, trọng âm của từ đó sẽ rơi vào trước đuôi một âm tiết.

Ví dụ: Từ *English* có xuất hiện đuôi -ish ở cuối từ, vậy bạn có thể chắc chắn rằng từ sẽ được phát âm là *ENGLISH* mà không sợ sai sót. Tương tự như vậy, từ *Incredible* có vẻ khá khó nhằn cũng xuất hiện đuôi -ible làm trọng âm rơi vào âm tiết -cre-.

Chúng ta sẽ cùng đến với bài tập cho từng đuôi trong nhóm đuôi này trong phần tiếp theo của bài học. Với phần đầu tiên, chúng ta sẽ bắt đầu với nhóm những đuôi phổ biến và những đuôi ít phổ biến của nhóm 2 sẽ được đề cập trong phần thứ hai.

Phần 1

-ia-

1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải:

1. Artificial	A. o o O o	B. o o O o	C. o O o o
2. Commercial	A. o O o	B. o o O	C. O o o
3. Politician	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
4. Social	A. O o	B. o O	C. o O o

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

- Croatia nước Croatia
- Familiar thân thuộc
- Artificial nhân tạo
- Commercial thương mại
- Controversial gây tranh cãi
- Crucial cốt yếu
- Essential thiết yếu
- Material vật liệu
- Official chính thức
- Potential tiềm năng
- Social thuộc xã hội
- Special đặc biệt

- Financial tài chính
- Industrial công nghiệp
- Influential có ảnh hưởng
- Initial ban đầu
- Memorial tượng niệm
- Residential cư trú
- Civilian thường dân
- Comedian danh hài
- Musician nhạc sỹ
- Physician thầy thuốc
- Politician chính trị gia
- Technician kỹ thuật viên

3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

indust

soc

potent

- The U.S. is an _____ **rial** nation.
- A number of _____ **ial** buyers have expressed interest in the company.
- I had an active _____ **ial** life when I was at college.



4. Khoanh tròn những từ có đuôi *-ia-* và phiên âm đoạn sau

Stereotypes

A stereotype is a fixed idea that people have about what specific social groups or individuals are like, especially an idea that is wrong. Other terms that are associated with the term stereotype are prejudice and cliché. The term has a Greek origin: stereos means solid or firm and typos mean blow, impression, engraved or mark. The term was first used in the printing business. The first modern English use of the term was in 1850, meaning “image perpetuated without change.”

Because stereotypes are standardized and simplified ideas of groups, based on some prejudices, they are not derived from objective facts, but rather subjective and often unverifiable ideas. As Sociologist Charles E. Hurst states* “One reason for stereotypes is the lack of personal, concrete familiarity that individuals have with persons in other racial or ethnic groups. Lack of familiarity encourages the lumping together of unknown individuals”...

(Trich My English pages)

5. Hãy nối từ ở cột 1 với nghĩa ở cột 2 và phiên âm các từ đó

1. Italian
2. Croatian
3. Canadian
4. Indonesian
5. Malaysian
6. Brazilian

1. Người Braxin
2. Người Canada
3. Người Ý (Italia)
4. Người Malaysia
5. Người Indonesia
6. Người Croatia

-ic-

1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải:

1. Academic	A. o o O o	B. O o o o	C. o O o o
2. Economic	A. o o O o	B. o O o o	C. O o o o
3. Medical	A. o o O	B. O o o	C. o O o
4. Political	A. o o o O	B. O o o o	C. o O o o

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

- 1. Academic học thuật
- 2. Clinic phòng khám
- 3. Comics truyện tranh
- 4. Economic kinh tế
- 5. Fantastic tuyệt vời
- 6. Optimistic lạc quan
- 7. Pacific Thái Bình Dương
- 8. Public công cộng
- 9. Romantic lãng mạn
- 10. Specific chi tiết
- 11. Statistics thống kê
- 12. Terrific tuyệt vời
- 13. Titanic không lồ

- 1. Athletic thể thao
- 2. Democratic dân chủ
- 3. Mathematics toán học
- 4. Mechanic thợ máy
- 5. Gigantic khổng lồ
- 6. Atlantic Đại Tây Dương
- 7. Chemical hóa học
- 8. Classical cổ điển
- 9. Critical quan trọng
- 10. Historical thuộc về lịch sử
- 11. Identical y chang
- 12. Medical y tế
- 13. Physical mang tính vật lý

3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

publ	academ	econom
-------------	---------------	---------------

1. The school is noted for its _____ic excellence.
2. The government's _____ic policies have led us into the worst recession in years.
3. _____ic opinion has turned against him.

4. Khoanh tròn những từ có đuôi *-ic-* và phiên âm đoạn sau:

Education

Education encompasses both the teaching and learning of knowledge, proper conduct, and technical competency. It thus focuses on the cultivation of skills, trades or professions, as well as mental, moral & aesthetic development.

Formal education consists of systematic instruction, teaching and training by professional teachers. This consists of the application of pedagogy and the development of curricula.

The right to education is a fundamental human right. Since 1952, Article 2 of the first Protocol to the European Convention on Human Rights obliges all signatory parties to guarantee the right to education. At world level, the United Nations' International Covenant on Economic, Social and Cultural Rights of 1966 guarantees this right under its Article 13.

Educational systems are established to provide education and training, often for children and the young. A curriculum defines what students should know, understand and be able to do as the result of education. A teaching profession delivers teaching which enables learning, and a system of policies, regulations, examinations, structures and funding enables teachers to teach to the best of their abilities. Sometimes educational systems can be used to promote doctrines or ideals as well as knowledge, which is known as social engineering. This can lead to political abuse of the system, particularly in totalitarian states and government.

(Trích My English pages)

-ie-**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải:**

1. Experience	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
2. Recipient	A. O o o o	B. o O o o	C. o o O o
3. Efficient	A. O o o	B. o o O	C. o O o
4. Impatient	A. O o o	B. o O o	C. o o O

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau1. Convenient tiện lợi2. Efficient hiệu quả3. Ingredient nguyên liệu4. Nutrient dinh dưỡng5. Obedient nghe lời6. Patient kiên nhẫn7. Sufficient vừa đủ1. Ambient xung quanh2. Ancient cổ xưa3. Recipient người nhận4. Resilient bền bỉ5. Audience khán giả6. Conscience lương tâm7. Experience kinh nghiệm**3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới****ingred****exper****aud**

1. Do you have any _____ ience of working with kids?

2. The list of _____ ients included 250 g of almonds.

3. She lectures to _____ iences all over the world.

4. Khoanh tròn những từ có đuôi *-ie-* và phiên âm đoạn sau:

Energy drinks have been increasing in popularity, especially among teens and children. Due to several articles in the media about negative health effects experienced by people who consumed too many energy drinks, some parents and school personnel have become concerned about their growing popularity specifically among teens and children.

However, if you are aware of how much caffeine you are consuming, people of all ages can safely consume energy drinks in moderation. Caffeine is the primary ingredient in most energy drinks, and is often blamed for causing the negative health effects some people have experienced after consuming too many energy drinks. However, the majority of the healthy population can safely enjoy moderate amounts of caffeine without experiencing undesirable symptoms.

Staying aware of how much caffeine you are consuming each day from energy drinks, as well as other sources such as coffee, tea, soda, dietary supplements, and medications, is important to stay within moderate, safe intake levels. Learning how to determine the caffeine content of each item, as well as the number of servings per container, will help you to know how to moderate your consumption. You can also help children and teens learn how to moderate their consumption so that they can safely enjoy an energy drink or soda responsibly without risking undesirable symptoms.

(Trich Food Insight)

-io-**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải:**

1. Behavior	A. O o o	B. o o O	C. o O o
2. Discussion	A. o O o	B. O o o	C. o o O
3. Education	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
4. Solution	A. O o o	B. o o O	C. o O o

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

1. Action	hành động
2. Attention	sự chú ý
3. Condition	điều kiện
4. Direction	định hướng
5. Education	giáo dục
6. Information	thông tin
7. Location	địa điểm
8. Pollution	ô nhiễm
9. Position	vị trí
10. Question	câu hỏi
11. Relation	mối quan hệ
12. Tradition	truyền thống

1. Station	ga tàu
2. Vacation	kỳ nghỉ
3. Decision	quyết định
4. Television	tivi
5. Version	phiên bản
6. Ambitious	tham vọng
7. Obvious	rõ ràng
8. Serious	nghiêm túc
9. Suspicious	ngghi ngờ
10. Various	đa dạng
11. Behavior	cách cư xử
12. Superior	vượt trội

3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

behav	ser	educat
1. Drugs have become a ___ious problem in a lot of schools.		
2. It's important for children to get a good _____ion.		
3. He has always demanded the highest standards of _____iour from his children.		

4. Khoanh tròn những từ có đuôi *-io-* và phiên âm đoạn sau:

Juvenile Crime

Juvenile delinquency refers to antisocial or illegal behavior by children or adolescents and is considered a serious problem all over the world. It is caused by social, economic and cultural factors. This juvenile criminality is apparent in marginal sectors of urban areas where children are exposed to violence in their immediate social environment, either as observers or as victims. Because delinquents basic education, if they have any, is poor they have been marginalized from society and destitute of any dignity or self esteem. Although most legal systems prescribe specific procedures for dealing with young criminals, such as juvenile detention centers and suppression, approaches to prevent youth from becoming delinquent should also include measures to instill equality and justice, fight poverty and create an atmosphere of hope and peace among youth. These preventive policies should be given priorities over any coercive measures.

Socioeconomic opportunities and administrative services should be provided in rural areas to discourage young people from migrating to urban areas. Similarly, youth from poor urban settings should benefit from plans that focus on education, employment and access to leisure programs , especially during long school holidays. Young people who drop out of school or come from broken families should have access to specific social programs that help them become responsible adults.

Information campaigns should be planned to sensitize youth to be aware of the detrimental effects of violence on the family, community and society, to teach them how to communicate without violence. Focus on the importance of family should become a priority because it is the primary institution of socialization of youth and continues to play an important role in the prevention of juvenile delinquency and underage crime.

(Trich My English Pages)

Phần 2

-ible, -iu, -ish**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải**

1. Impossible	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
2. Genius	A. O o o	B. o o O	C. o O o
3. Stadium	A. O o o	B. o O o	C. o o O
4. Accomplish	A. O o o	B. o O o	C. o o O
5. Accessible	A. o o O	B. O o o	C. o O o

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

- Invisible vô hình
- Responsible trách nhiệm
- Terrible khủng khiếp
- Flexible linh hoạt
- Impossible không khả thi
- Incredible lạ thường
- Possible có thể
- Genius thiên tài
- Stadium sân vận động

- English tiếng Anh
- Finish kết thúc
- Irish người Ai-len
- Diminish giảm bớt
- Distinguish phân biệt
- Punish trừng phạt
- Spanish tây ban nha
- Vanish biến mất
- Selfish ích kỷ

3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

respons **exper** **refer** **man** **fin** **puppet**

- Do you have any _____ **ience** of working with kids?
- Her department is _____ **ible** for overseeing the councils.
- He still works on an old _____ **ual** typewriter.
- The meeting should _____ **ish** around four o'clock.

-ual, -ula-, -ulu-**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải**

1. Regular	A. O o o	B. o o O	C. o O o
2. Equal	A. O o	B. o O	
3. Casual	A. O o	B. o O	
4. Visual	A. O o	B. o O	
5. Pendulum	A. O o o	B. o o O	C. o O o

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau1. Actual thực tế2. Casual tự nhiên3. Equal ngang, bằng4. Manual hướng dẫn5. Mutual lẫn nhau, qua lại6. Usual thường, thông dụng7. Visual thuộc thị giác1. Particular đặc biệt, đặc thù2. Popular phổ biến3. Regular thường lệ4. Spectacular đẹp mắt, ngoạn mục5. Calculus đại số6. Curriculum chương trình giảng dạy7. Pendulum con lắc**3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới**

pop pend act pictur partic puppet

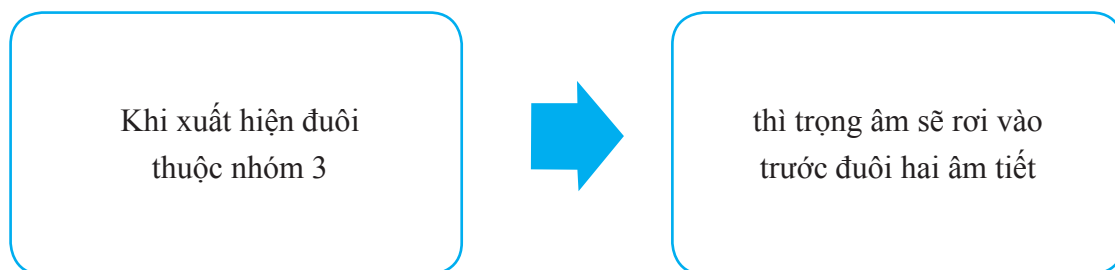
1. We had estimated about 300 visitors, but the ___ual number was much higher.

2. She's the most ___ular teacher in school.

3. The ___ulum in the grandfather clock swung back and forth.

4. He wouldn't take just any book - he had to have this _____ular one!

Kết thúc chuỗi bài học về đuôi là bài học về nhóm đuôi thứ 3 – những đuôi làm cho trọng âm của từ rơi vào trước đuôi 2 âm tiết. Những đuôi thuộc nhóm này có chung đặc điểm sau: làm cho trọng âm của từ rơi vào trước đuôi hai âm tiết.



Những đuôi này bao gồm -ate, -y, -ise, -ize, -ous, -ude, -ute, -ator, và khi thấy xuất hiện những đuôi này ở cuối từ thì bạn có thể chắc chắn rằng trọng âm của từ sẽ rơi vào trước đuôi đó hai âm tiết. Trong số những đuôi này, đuôi -ate và đuôi -y là hai đuôi có độ phổ biến cao hơn nhiều so với những đuôi còn lại với số từ chứa đuôi lớn hơn 100/5000 từ tiếng Anh phổ biến.

Ví dụ: Từ *Operate* có xuất hiện đuôi -ate ở cuối từ, vậy bạn có thể chắc chắn rằng từ sẽ được phát âm là *Operate* mà không sợ sai sót. Tương tự như vậy, từ *Ridiculous* có vẻ khá khó nhận cũng xuất hiện đuôi -ous làm trọng âm rơi vào âm tiết -di-.

Chúng ta sẽ cùng đến với bài tập cho từng đuôi trong nhóm đuôi này trong phần tiếp theo của bài học. Với phần đầu tiên, chúng ta sẽ bắt đầu với nhóm những đuôi phổ biến và những đuôi ít phổ biến của nhóm 2 sẽ được đề cập trong phần thứ hai.

**Lưu ý:* Trong trường hợp đuôi -y thuộc kết cấu *nguyên âm + ry* thì nguyên âm đó sẽ không được tính khi xác định trọng âm.

Ví dụ: *Military* trọng âm vẫn rơi vào chữ “i” đầu tiên vì đuôi -y ở đây nằm trong cấu trúc *nguyên âm + ry*, nên trọng âm vẫn rơi vào trước đuôi hai âm tiết. *Military* - /'mɪ.l.ɪ.tər.i/

Phần 1

-ate

1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải:

1. Appreciate	A. o O o o	B. o o o O	C. o o O o
2. Moderate	A. O o o	B. o o O	C. o O o
3. Participate	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
4. Separate	A. O o o	B. o O o	C. o o O

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

1. Accurate chính xác2. Appreciate trân trọng3. Associate liên kết4. Calculate tính toán5. Celebrate kỷ niệm6. Chocolate sôcôla7. Communicate giao tiếp8. Decorate trang trí9. Educate giáo dục10. Immediate ngay lập tức1. Candidate ứng cử viên2. Concentrate tập trung3. Initiate khởi đầu4. Investigate điều tra5. Moderate vừa phải6. Motivate khích lệ7. Operate vận hành8. Participate tham dự9. Separate chia cách10. Ultimate cuối cùng

3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

oper

celebr

immedi

1. We always _____ate our wedding anniversary by going out for dinner.

2. Dioxin is a poison that takes _____ate effect.

3. How do you _____ate the remote control unit?

4. Khoanh tròn những từ có đuôi *-ate* và phiên âm đoạn sau:

Christmas

Christmas which is celebrated on December 25th is an important Christian holiday. The origin of the word “Christmas” comes from “Christ” and the “Holy.Mass” . It is believed that the day commemorates the birth of Jesus Christ although a lot of people doubt that the Day corresponds to the actual date of his birth. In spite of its Christian origin, Christmas is also celebrated by a lot of non Christian countries and the celebration includes a lot of non religious customs. People exchange gifts and greeting cards. Homes are decorated with Christmas trees, light and garlands. Dinners are planned with special food and all the families gather to have a lot of fun.

A central imaginary figure in Christmas is Father Christmas, also called Santa Claus. He is believed to fly on his sleigh bringing gifts for children .

Christmas is also an opportunity for economic growth. It has become an important period for business activity. Shops make a lot of profit and a lot of countries realized this economic impact.

(Trích My English Pages)

-y
(≥ 3 âm tiết)

1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải:

1. Ability	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
2. Philosophy	A. O o o o	B. o O o o	C. o o O o
3. Quality	A. O o o	B. o o O	C. o O o
4. Specify	A. O o o	B. o O o	C. o o O

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau

1. Ability khả năng

2. Authority thẩm quyền

3. Capacity dung lượng

4. Quality chất lượng

5. Security an ninh

6. Sympathy đồng cảm

7. University đại học

8. Identify nhận diện

9. Satisfy thỏa mãn

10. Specify chi tiết hóa

1. Chemistry hóa học

2. Company công ty

3. Economy kinh tế

4. History lịch sử

5. Industry ngành công nghiệp

6. Philosophy triết học

7. Photography nhiếp ảnh

8. Apology lời xin lỗi

9. Biology sinh học

10. Technology công nghệ

3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới

econom

universit

satisf

1. Tourism contributes millions of pounds to the local _____y.

2. They have 31 flavours of ice cream - enough to _____y everyone!

3. Which _____y did you go to?

4. Khoanh tròn những từ có đuôi -y và phiên âm đoạn sau:

Pollution

Pollution is the degradation of natural environment by external substances introduced directly or indirectly. Human health, ecosystem quality and aquatic and terrestrial biodiversity may be affected and altered permanently by pollution.

Pollution occurs when ecosystems can not get rid of substances introduced into the environment. The critical threshold of its ability to naturally eliminate substances is compromised and the balance of the ecosystem is broken.

The sources of pollution are numerous. The identification of these different pollutants and their effects on ecosystems is complex. They can come from natural disasters or the result of human activity, such as oil spills, chemical spills, nuclear accidents ... These can have terrible consequences on people and the planet where they live: destruction of the biodiversity, increased mortality of the human and animal species, destruction of natural habitat, damage caused to the quality of soil, water and air ...

Preventing pollution and protecting the environment necessitate the application of the principles of sustainable development. we have to consider to satisfy the needs of today without compromising the ability of future generations to meet their needs. This means that we should remedy existing pollution, but also anticipate and prevent future pollution sources in order to protect the environment and public health. Any environmental damage must be punishable by law, and polluters should pay compensation for the damage caused to the environment.

(Trích My English Pages)

Phần 2

-ise, -ize, -ous**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải**

1. Apologize	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
2. Compromise	A. O o o	B. o o O	C. o O o
3. Continuous	A. O o o o	B. o o O o	C. o O o o
4. Enterprise	A. O o o	B. o O o	C. o o O
5. Dangerous	A. O o o	B. o O o	C. o o O

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau1. Continuous liên tiếp, không ngừng2. Dangerous nguy hiểm3. Enormous to lớn, khổng lồ4. Famous nổi tiếng5. Generous rộng lượng, khoan hồng6. Humorous hài hước7. Jealous ghen tỵ8. Marvelous kỳ diệu1. Advertise quảng cáo2. Compromise sự thỏa hiệp3. Exercise bài tập4. Paradise thiên đường5. Apologize xin lỗi, tạ lỗi6. Organize tổ chức, thiết lập7. Recognize công nhận8. Specialize chuyên môn hóa**3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới**

apolog **prev** **gener** **comprom** **continu** **marvel**

- All I wanted to do was _____ **ize** to the family.
- For groups in which each person has a different idea, _____ **ise** is necessary.
- Should I donate a _____ **ous** sum to charity?
- The boy recalled the brilliance he had noticed on the _____ **ious** day.

-ude, -ute, -ator**1. Xác định vị trí trọng âm cho các từ sau bằng cách khoanh tròn đáp án bên phải**

1. Operator	A. O o o o	B. o o o O	C. o o O o
2. Attitude	A. O o o	B. o o O	C. o O o
3. Absolute	A. O o o	B. o O o	C. o o O
4. Elevator	A. O o o o	B. o o o O	C. o o O o
5. Distribute	A. O o o	B. o O o	C. o o O

2. Đánh dấu trọng âm và viết phiên âm cho các từ sau1. Absolute tuyệt đối2. Contribute đóng góp3. Distribute phân phát4. Execute thực hiện5. Attitude thái độ6. Magnitude cường độ1. Administrator quản lý2. Educator nhà giáo dục3. Elevator thang máy4. Investigator điều tra viên5. Operator người điều khiển6. Refrigerator tủ lạnh**3. Ghép phần đầu của các từ với phần đuôi của nó; phiên âm câu vào chỗ trống bên dưới**

attit

contrib

operat

absol

refriger

elev

1. I have _____ **ute** faith in her judgement2. Leila took the _____ **ator** to the third floor, and entered courtroom 5.3. Would you like to _____ **ute** to our collection?4. I will not open the _____ **ator**, turn on the stove or wash a dish.

Forget đọc là /fə'get/ hay /'fɔ:.get/?

Calendar đọc là /'kæl.ən.də/ hay /'ka:l.en.də/?

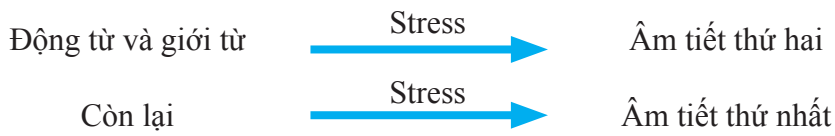
Present đọc là /'prez.ənt/ hay /pri'zent/?

Những quy tắc trong bài học này sẽ cung cấp cho các bạn thêm một công cụ để xác định cách đọc của các từ trên một cách dễ dàng hơn.

1. Quy tắc:

1.1 Trọng âm theo từ loại

Trong những bài học trước, các bạn đã được giới thiệu về cách xác định trọng âm của một từ dựa theo tiêu chí đuôi. Trong bài học này, quy tắc dưới đây sẽ giúp bạn xác định trọng âm của từ đó dựa theo tiêu chí từ loại – tiêu chí thứ hai trong 4 tiêu chí. Dưới đây là mô hình cụ thể của của quy tắc này:



Đối với quy tắc này, việc đầu tiên các bạn cần làm đó là xác định từ loại của từ rồi sau đó mới xác định trọng âm của từ và cách đọc của nó.

Với các từ ở đầu bài, các bạn sẽ thấy chúng không có dấu hiệu của đuôi nên hãy dùng quy tắc vừa học để tìm ra cách đọc của chúng

- *Forget*

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	<i>For'get</i>	Tiêu chí _____ - <i>Forget</i> là một động từ → trọng âm rơi vào âm tiết thứ ____
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	<i>Forget</i> /_____/	- Trọng âm rơi vào E - E không đứng trước R - E không nằm trong cấu trúc E kỳ diệu → E phát âm /____/
3	Xác định phiên âm của nguyên âm không chứa trọng âm	<i>Forget</i> /_____/	- O thuộc âm tiết cạnh trọng âm nên - được phát âm là âm yếu nhất - /____/

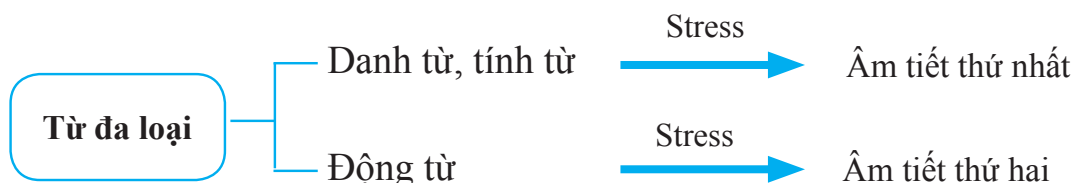
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	<i>Forget</i> /_____/	G đứng trước E nhưng là một ngoại lệ → G phát âm /____/ T không đứng trước IA/IE/IO/U nên được phát âm là /____/ F là một phụ âm không biến đổi → phát âm là /____/
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	<i>Forget</i> /_____/	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.

• *Calendar*

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	'Calendar	Đây là danh từ nên trọng âm rơi vào âm tiết thứ 1 là vào <i>CA</i>
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	'Calendar /_____/	<i>A</i> đọc là <i>æ</i> vì <i>a</i> chịu trọng âm có cách đọc rơi vào trường hợp phổ biến nhất.
3	Xác định phiên âm của nguyên âm không chứa trọng âm	'Calendar /_____/	- <i>E</i> đọc thành <i>ə</i> vì đứng gần trọng âm (không chịu trọng âm). - <i>AR</i> đọc thành <i>ə</i> vì không chịu trọng âm nên theo tính chất của trọng âm đọc thành âm yếu nhất
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	'Calendar /_____/	- <i>C</i> đọc là <i>k</i> vì có cách đọc rơi vào trường hợp phổ biến nhất. - <i>L</i> đọc là <i>l</i> vì đây là phụ âm không biến đổi - <i>N</i> đọc là <i>n</i> vì <i>n</i> không đứng trước <i>k, g</i> . - <i>D</i> đọc thành <i>d</i> vì đây là phụ âm không biến đổi
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	'Calendar /_____/	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.

1.2. Trọng âm của từ đa loại

Từ đa loại là những từ có hơn 1 chức năng từ loại, chúng vừa là động từ nhưng cũng vừa là danh từ hoặc tính từ tùy vào cách sử dụng ở trong câu. Do đóng hai vai trò đồng thời nên chúng có hai cách đọc khác nhau tương ứng với mỗi từ loại.



Khi từ đa loại đóng vai trò là động từ thì trọng âm sẽ rơi vào âm tiết thứ hai, còn khi từ đa loại đóng vai trò là danh từ thì trọng âm lại rơi vào âm tiết thứ nhất.

Ví dụ chúng ta hãy tìm hiểu cách đọc của từ *Present* trong hai câu sau:

a. My mother bought a present for me at Christmas.

b. She presents the late-night news.

Từ *Present* ở câu a đóng vai trò là danh từ nên trọng âm của từ sẽ rơi vào âm tiết thứ nhất và đọc là /'prez.ənt/. Còn trong câu b thì từ *Present* lại đóng vai trò là một động từ nên trọng âm của từ rơi vào âm tiết thứ hai nên sẽ đọc /prɪ'zent/.

Để nắm vững hơn quy tắc đã học, bạn hãy thực hành những ví dụ và bài tập dưới đây về các xác định trọng âm theo tiêu chí từ loại

2. Hãy viết phiên âm cho các từ sau.

a. President	/	/	
b. Consider	/	/	
c. Excellent	/	/	
d. Exist	/	/	
e. Exit	/	/	
f. Confident	/	/	
g. Record	/	/, /	/

3. Hãy phiên âm cho những từ dưới đây

Verb		Noun		Adjective	
Word	Transcribe	Word	Transcribe	Word	Transcribe
1. Contain		1. Basket		1. Common	
2. Decide		2. Cabinet		2. Confident	
3. Determine		3. Coffee		3. Excellent	
4. Discuss		4. Dinner		4. Hungry	
5. Enjoy		5. Honey		5. Legal	
6. Exist		6. Office		6. Private	
7. Improve		7. Orange		7. Ready	
8. Obtain		8. Parent		8. Recent	
9. Occur		9. Summer		9. Relevant	
10. Perform		10. Village		10. Similar	
11. Prevent		11. Water		11. Simple	
12. Remember		12. Woman		12. Single	

4. Hãy chọn những từ đã cho dưới đây rồi điền vào chỗ trống để hoàn thành câu và ghi âm từ được điền.

Increase; refuse; record; survey; frequent; transport; desert

- a. We _____ their wedding on video.
 b. Homelessness is on the _____ in many cities.
 c. On cold mornings the car always _____ to start.
 d. The most _____ cause of death is heart attack.
 e. She has written a book which _____ the history of feminism.

Word	Verb	Noun
Conflict	Đấu tranh	Xung đột
Contest	Ganh đua	Cuộc thi
Contract	Lây bệnh	Hợp đồng
Permit	Cho phép	Giấy phép
Present	Trình bày	Món quà
Produce	Sản xuất	Nông sản
Project	Trình chiếu	Dự án
Decrease	Giảm	Sự giảm
Record	Ghi âm	Bản ghi âm
Progress	Tiến bộ	Sự tiến bộ
Upset	Làm ai buồn	Vấn đề
Increase	Tăng	Sự tăng
Desert	Đào ngũ	Sa mạc
Export	Xuất khẩu	Hàng xuất khẩu
Absent	Vắng mặt	Sự vắng mặt
Invite	Mời	Lời mời
Subject	Chinh phục	Chủ đề
Perfect	Hoàn thiện	Hoàn hảo
Refuse	Từ chối	Rác thải
Survey	Khảo sát	Cuộc khảo sát
Suspect	Nghi ngờ	Kẻ tình nghi
Transfer	Chuyển đổi	Sự chuyển đổi
Transport	Vận chuyển	Vận tải

Nội dung đã đề cập đến trọng âm của các từ đa loại và cách xác định trọng âm của chúng. Ngoài những trường hợp từ đa loại có hai cách đọc thì còn có những từ đa loại đặc biệt sẽ được nêu ở dưới đây. Chúng có thể đóng ít nhất hai vai trò nhưng lại chỉ có một cách đọc duy nhất. Trọng âm của từ đa loại đặc biệt là khó đoán trước, đây cũng lý do khiến Tiếng Anh là ngôn ngữ vừa phức tạp nhưng lại vừa thú vị. Vì vậy, trong quá trình phiên âm và tìm hiểu cách đọc các bạn nên thường xuyên kiểm tra lại bằng từ điển để đọc chính xác tuyệt đối. Trong hạn chế của chương trình, chúng tôi xin liệt kê những từ đa loại đặc biệt mà thường gặp nhất trong quá trình học tiếng anh để bạn đọc tham khảo.

Những từ đa loại đọc theo quy tắc của động từ

1. Appeal		9. Divorce	
2. Campaign		10. Excuse	
3. Control		11. Request	
4. Decay		12. Assist	
5. Delay		13. Respect	
6. Delight		14. Reward	
7. Demand		15. Surprise	
8. Design		16. Supply	

Những từ đa loại đọc theo quy tắc của danh từ

1. Answer		9. Lesson	
2. Author		10. Level	
3. Balance		11. Notice	
4. Challenge		12. Program	
5. Comment		13. Promise	
6. Influence		14. Reason	
7. Promise		15. Season	
8. Interview		16. Stomach	

FASHION vs UNFASHIONABLE

Với từ *Fashion* chắc hẳn các bạn sẽ dễ dàng nhận ra cách đọc là /'fæʃ.ən/ dựa vào quy tắc đuôi IO để xác định trọng âm là tiết đầu tiên. Nhưng một từ dài như *unfashionable* và cũng có sự liên quan đến *fashion* thì bạn sẽ đọc ra sao?

Những quy tắc trong bài học này sẽ giúp các bạn giải quyết vấn đề thắc mắc trên một cách dễ dàng hơn.

1. Quy tắc

UNFASHIONABLE = UN + FASHION + ABLE

Nhìn vào sơ đồ ta thấy, từ *UNFASHIONABLE* được tạo nên bằng từ *FASHION* rồi thêm *UN* vào trước và *ABLE* vào sau.

Ở đây, từ *UNFASHIONABLE* được gọi là từ phái sinh, còn *FASHION* thì được gọi là từ gốc. *UN* và *ABLE* được gọi là các phụ tố.

Trong tiếng Anh, các phụ tố thường không làm thay đổi trọng âm của từ gốc nên muốn xác định cách đọc của từ phái sinh hãy tìm trọng âm của từ gốc.

Chỉ cần bỏ đi phụ tố của từ phái sinh bạn sẽ có thể tìm được từ gốc do đó dưới đây, chúng tôi xin đề cập một số tiền tố (phụ tố đứng trước từ gốc) và hậu tố (phụ tố đứng sau từ gốc) thường gặp.

a. Tiền tố được dùng để thêm ý nghĩa cho từ:

STT	Tiền tố	Cách đọc của tiền tố
1	UN-	/ʌn-/
2	IN-	/ɪn-/
3	DIS-	/dɪs-/

b. Hậu tố có thể dùng để thay đổi ý nghĩa hoặc từ loại của các từ:

STT	Tiền tố	Cách đọc của tiền tố
1	-ER	/-ər/
2	-EST	/-ɪst/, /-əst/
3	-LY	/-li/
4	-MENT	/-mənt/
5	-ABLE	/-əbl/

Với cách xác định trọng âm của từ phái sinh dựa vào từ gốc, các bạn đã có thêm công cụ thứ ba khi xác định trọng âm của từ. Bây giờ chúng ta hãy cùng nhau làm dựa vào quy tắc đã học để tìm ra cách đọc của từ FASHION .

• *Unfashionable*

Bước	Tiến trình	Phiên âm	Diễn giải
1	Xác định trọng âm của từ	<i>Un 'fashionable</i>	từ <i>Fashion</i> là từ gốc của <i>Unfashionable</i> và có trọng âm rơi vào <i>fa-</i> suy ra trọng âm từ <i>Unfashionable</i> cũng rơi vào <i>fa</i> .
2	Xác định phiên âm của nguyên âm chứa trọng âm	<i>Unfashionable</i> / _____ /	<i>a</i> đọc là æ vì <i>a</i> chịu trọng âm có cách đọc rơi vào trường hợp phổ biến nhất.
3	Xác định phiên âm của nguyên âm không chứa trọng âm	<i>Unfashionable</i> / _____ /	<i>ion</i> đọc là ə vì <i>io</i> không chịu trọng âm và trước <i>io</i> là <i>sh</i> Cách đọc tiền tố <i>un-</i> /ʌn/ Cách đọc hậu tố <i>-able</i> /əbəl/
4	Xác định phiên âm phụ âm và viết lại phiên âm của từ	<i>Unfashionable</i> / _____ /	<i>sh</i> luôn đọc thành <i>ʃ</i> . <i>n</i> đọc là <i>n</i> vì <i>n</i> không đứng trước <i>k, g</i> . <i>f</i> đọc là <i>f</i> đây là phụ âm không biến đổi.
5	Sử dụng phiên âm của từ để phát âm chính xác	<i>Unfashionable</i> / _____ /	Ghép những phiên âm đã nhận diện theo quy tắc để tạo thành phiên âm hoàn chỉnh của từ, sau đó phát âm.

Sau phần hướng dẫn chi tiết ở trên chắc hẳn các bạn đã biết được cách xác định trọng âm và phiên âm của các từ phái sinh. Hãy cùng thực hành thêm những ví dụ và bài tập dưới đây để vận dụng thành thạo quy tắc đã học .

2. Hãy tìm từ gốc cho các từ sau:

Từ	Từ gốc	Trọng âm
a. UNHAPPY b. DISAPPEAR c. INABILITY d. STRONGER e. HARDEST f. INTERESTINGLY g. COMFORTABLE h. INVESTMENT	unHAPpy	

3. Hãy chọn từ có trọng âm khác với các từ còn lại.

1.	A. Uncommon	B. Container	C. Illegal	D. Engineer
2.	A. Interesting	B. Investment	C. Strongest	D. Harder
3.	A. Usually	B. Uneasy	C. Agreement	D. Enjoyable
4.	A. Comfortable	B. Incomplete	C. Kindness	D. Usable
5.	A. Unwanted	B. Easy	C. Action	D. Popular
6.	A. Education	B. Community	C. Development	D. Unbreakable
7.	A. Academic	B. Education	C. Impossible	D. Optimistic
8.	A. Wonderful	B. Beautiful	C. Colorful	D. Successful
9.	A. Managerial	B. Determination	C. Unbelievable	D. Inability
10.	A. Understand	B. Television	C. Improvement	D. Introduce
11.	A. Federation	B. Unpolluted	C. Disappearing	D. Profitable

*Boyfriend**Get out**Handmade*

Những từ trên đây bạn thường đọc như thế nào? Bạn đã đọc đúng trọng âm? Nếu chưa chắc chắn về việc phát âm những từ trên, bài học này sẽ giới thiệu các quy tắc để giúp bạn giải đáp những thắc mắc trên.

1. Quy tắc

1.1. Danh từ ghép



Những danh từ là danh từ ghép thì trọng âm thường rơi vào từ đầu tiên.

Ví dụ như từ *boyfriend* là một danh từ ghép bởi hai từ *boy* và *friend*. Trọng âm của từ *boyfriend* sẽ rơi vào *boy* và sẽ được đọc là /'bɔɪ.frend/

1.2. Cụm động từ



Những cụm động từ thì trọng âm thường rơi vào từ giới từ.

Ví dụ như từ *get out* là một cụm động từ bởi nên trọng âm sẽ rơi vào *out* và sẽ được đọc là /get 'aʊt/

1.3. Tính từ ghép



Những tính từ là tính từ ghép thì trọng âm thường rơi vào từ đầu tiên.

Ví dụ như từ *handmade* là một danh từ ghép bởi hai từ *hand* và *made*. Trọng âm của từ *handmade* sẽ rơi vào *made* và sẽ được đọc là /,hænd 'meɪd/

Để thành thạo hơn về trọng âm của những từ ghép và cụm từ, các bạn hãy cùng thực hành các ví dụ và bài tập sau đây.

2. Xác định trọng âm và phiên âm cho những từ sau

a. Snowman	/	/
b. Lighthouse	/	/
c. Goldfish	/	/
d. Give up	/	/
e. Break in	/	/
f. Go on	/	/
g. Worldwide	/	/
h. Lion-hearted	/	/
i. Slow-growing	/	/

3. Gạch chân những từ ghép in đậm nếu trọng âm rơi vào từ thứ nhất và khoanh tròn từ ghép in đậm mà trọng âm rơi vào từ thứ hai.

- They did the **photocopies overnight**.
- I got this **motorbike second hand**.
- Using the **typewriter** is so **old fashioned**.
- These **earrings** were **hand made**.
- I'm **short-sighted**, like my **grandmother**.
- All the **sunglasses** are **half price**.
- The **waiting room** is for **first class** only.

4. Đánh dấu trọng âm cho những từ ghép được gạch chân dưới đây

- What are these? They are washing machines.
 - What are they doing? They are washing machines.
- The president lives in the White House.
 - My friend lives in a white house.
- We were afraid to enter the dark room.
 - We developed our pictures in the darkroom.
- A hot dog would taste good right now.
 - The hot dog is really painting.
- Where's the bus stop?
 - Where does the bus stop?
- Did you see the bluebird?
 - I've just seen a blue bird?
- The destruction of forests is contributing to the greenhouse effect.
 - Look at the green house! It's so nice.
- We shouldn't be late. Is there any freeway to get there?
 - We don't have enough money. Do you know any free way to get there?
- My brother is a shorthand typist.
 - My brother has very short hands.